HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Cần Thơ, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Đường bộ gồm: hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố, đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này (sau đây gọi tắt là Chủ dự án);

b) Người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thuộc đối tượng được miễn, giảm giá vé theo quy định tại Nghị quyết này;

c) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe buýt có các điểm dừng đón, trả khách và phương tiện chạy theo biểu đồ vận hành.

2. Phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm xe buýt thông thường, xe buýt sử dụng năng lượng sạch.

3. Xe buýt thông thường là xe buýt chỉ sử dụng nhiên liệu xăng, dầu.

4. Xe buýt sử dụng năng lượng sạch là xe buýt sử dụng khí hóa lỏng, khí thiên nhiên, hay điện thay thế xăng, dầu.

5. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm: đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa; trạm cung cấp năng lượng cho xe buýt.

6. Trạm sạc điện là công trình, hệ thống thiết bị cung cấp năng lượng điện cho phương tiện xe buýt sử dụng điện, bao gồm cả hệ thống cấp điện và công trình phụ trợ kèm theo.

7. Lãi suất phải trả thực tế là lãi suất chủ dự án thực tế phải trả cho tổ chức tín dụng theo hợp đồng tín dụng, sau khi đã trừ các khoản lãi suất đã được ưu đãi, hỗ trợ từ nguồn khác (nếu có).

Điều 3. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Việc hỗ trợ bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố; đảm bảo mục tiêu sử dụng ngân sách hiệu quả, không để xảy ra trục lợi chính sách; đảm bảo chất lượng hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố ngày càng được nâng cao.

b) Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất tiền vay cho Chủ dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Thông tư số 02/2016/TT-BTC hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ

về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 4 Thông tư 02/2016/TT-BTC.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt

1. Chủ dự án được ngân sách thành phố bố trí hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 điều 3, Nghị quyết này.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: theo số vay thực tế nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án và tối đa 50 tỷ đồng/dự án. Số vốn còn lại là vốn tự có của chủ dự án để tham gia đầu tư.

3. Mức hỗ trợ: Bằng 50% lãi suất phải trả thực tế trong hạn mức vay được hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thời gian hỗ trợ lãi suất: Theo thời gian vay vốn thực tế của từng khoản vay nhưng không quá 05 năm, kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp Chủ dự án được hỗ trợ lãi suất đầu tư phương tiện chấm dứt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch trên địa bàn thành phố trước khi hết thời hạn hỗ trợ lãi suất thì thời gian hỗ trợ lãi suất tính đến thời điểm chấm dứt phục vụ vận tải hành khách công cộng.

Điều 5. Chính sách về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Bố trí ngân sách cho công tác lập các đề án/dự án liên quan đến việc tăng cường phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, kiểm soát phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông trên địa bàn thành phố.

2. Bố trí ngân sách cho việc đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

3. Chủ dự án đầu tư xây dựng trạm sạc điện phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện được ngân sách thành phố bố trí hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 điều 3, Nghị quyết này; hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ lãi suất áp dụng theo khoản 2, 3, 4 Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Bố trí ngân sách để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá cho hoạt động quản lý, khai thác, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá cho hoạt động trợ giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Bố trí ngân sách để giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu cung cấp dịch vụ công trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 7. Hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt:

1. Miễn tiền vé: thực hiện miễn tiền vé đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

2. Giảm giá vé: thực hiện giảm từ 30% giá vé đối với người có công với cách mạng, người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên).

3. Đối với tuyến xe buýt không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thực hiện miễn tiền vé, giảm giá vé theo khoản 1, khoản 2 điều này.

4. Đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước, ngân sách nhà nước hỗ trợ miễn tiền vé, giảm giá vé theo khoản 1, khoản 2 điều này.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ ngân sách thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền quyết định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách thành phố và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện từng chính sách căn cứ đối tượng, phạm vi, khối lượng, tiến độ thực hiện và nhu cầu kinh phí thực tế để lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi cơ quan tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung sau đây:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định; ban hành và chỉ đạo ban hành các văn bản hướng dẫn về phương thức hỗ trợ, hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trình tự thủ tục hỗ trợ, xử lý trong trường hợp chủ dự án vay vốn sử dụng vốn sai mục đích, bố trí kinh phí và quyết toán đối với chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt. Bố trí đủ quỹ đất để xây dựng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Giao cơ quan chuyên môn lập đề án tăng cường phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, kiểm soát phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông trên địa bàn thành phố.

c) Trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định sử dụng ngân sách thực hiện các nội dung tại Điều 4, Điều 5 , Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết này.

d) Kiện toàn Trung tâm Quản lý và Điều hành giao thông đô thị trực thuộc Sở Xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại; hỗ trợ chí phí quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt cho trung tâm để nâng cao chất lượng hoạt động kiểm tra, giám sát, quản lý tài sản, quản lý chất lượng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Hội đồng nhân dân thành phố giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày……tháng…..năm 2026.

2. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Điều khoản chuyển tiếp: Các dự án, hợp đồng tín dụng đã được phê duyệt hoặc đang hưởng hỗ trợ theo chính sách trước đây được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc thời hạn hỗ trợ; trường hợp chính sách tại Nghị quyết này có lợi hơn thì chủ dự án được lựa chọn áp dụng.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HDND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố (Công báo thành phố);
- Thường trực HĐND, UBND các phường, xã;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH